**Phụ lục số 01.NVCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚCChi nhánh tỉnh, thành phố…----------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số:         /QĐ-… | *………, ngày …… tháng …… năm …..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ**

**GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ...**

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của NHNN về việc hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ.*

*Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-NHNN ngày 28/8/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét đề nghị của (tổ chức kinh tế) tại Đơn đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ số... ngày...tháng....năm....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Điều 1**

Cho phép………………(tổ chức kinh tế)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số....cấp ngày ......../........./……..

Cơ quan cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:                                                                           Số Fax:

được trực tiếp thực hiện dịch vụ nhận ngoại tệ của người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài từ nước ngoài chuyển về để chi, trả cho người thụ hưởng ở trong nước theo các nội dung sau:

a) Địa điểm thực hiện hoạt động nhận và chi, trả ngoại tệ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Địa điểm chi trả** | **Địa chỉ** | **Điện thoại, Fax** |
| 1 | Trụ sở chính |   |   |
| 2 | Địa điểm chi trả số 1 |   |   |
| 3 | Địa điểm chi trả số 2 |   |   |
| n | Địa điểm chi trả số n (địa điểm chi trả có thể ở tỉnh, thành phố khác nơi đặt trụ sở chính) |   |   |

b) Đối tác nước ngoài: (ghi cụ thể từng đối tác; số, ngày của hợp đồng)

c) Tài khoản chuyên dùng ngoại tệ để trực tiếp thực hiện nhận và chi, trả ngoại tệ:

c.1. Trụ sở chính:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tài khoản** | **Số tài khoản** |
| 1 | USD |   |
| 2 | EUR |   |
| 3 | GBP |   |
| ... | .... |   |

c.2. Địa điểm chi trả….:

**Tên ngân hàng mở tài khoản:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại tài khoản** | **Số tài khoản** |
| 1 | USD |   |
| 2 | EUR |   |
| 3 | GBP |   |
| ... | .... |   |

**Điều 2.** (Tổ chức kinh tế)... phải chấp hành đúng các quy định hiện hành về dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, các quy định pháp luật có liên quan, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là ... năm kể từ ngày ký.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Tên tổ chức kinh tế;- NHNN chi nhánh....(nơi tổ chức kinh tế đặt địa điểm chi trả để phối hợp, theo dõi);- Lưu NHNN chi nhánh tỉnh, TP... | **GIÁM ĐỐC***(Ký tên & đóng dấu)* |